TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoài Nam

2. Ông Vương Huy Nguyên

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:* Ông Nguyễn Duy Ninh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2018/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXX-ST ngày 08/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-DS ngày 24/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1987, vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 14, xã L, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Lê Đình L, sinh năm: 1987, vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày và yêu cầu: Chị và anh Lê Đình L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/12/2010 tại UBND xã L, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, lý do anh L thường xuyên sử dụng ma túy, không có trách nhiệm với gia đình. Sau thời gian đi cai nghiện bắt buộc 02 năm, anh L về nhà vẫn tiếp tục sử dụng ma túy. Vì vậy cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có nguyện vọng xin được ly hôn anh Lê Đình L. Chị T và anh L có 01 con chung là: Lê Thị Phương V, sinh ngày 30/10/2011. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con

chung, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh Lê Đình L, tuy nhiên anh L cố tình không đến Tòa án để giải quyết, Tòa án phải tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, nhưng sau đó không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, nên không thể hiện quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Lê Đình L; giao cháu Lê Thị Phương V, sinh ngày 30/10/2011 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Về tài sản: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay chị T có đơn xin vắng mặt, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, chị T có đơn xin xử vắng mặt, anh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Lê Đình L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, ngày 30/12/2010 được UBND xã L, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy hôn nhân giữa chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp.

Chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh L thường xuyên sử dụng ma túy, không có trách nhiệm với gia đình. Chị đã cố gắng cùng gia đình để đưa anh L đi cai nghiện, nhưng sau khi đi cai nghiện bắt buộc về thì anh L vẫn tiếp tục sử dụng ma túy. Vì vậy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T có nguyện vọng được ly hôn anh L. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên không tiến hành hòa giải được. chính quyền địa phương xã L, huyện Q xác nhận anh L thường xuyên sử dụng ma túy nên cuộc sống gia đình của chị T và anh L mâu thuẫn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thực tế tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên xử cho chị T được ly hôn anh L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung**:** Chị T và anh L có 01 con chung là Lê Thị Phương V, sinh ngày 30/10/2011, hiện tại cháu V đang ở cùng chị T. Nguyện vọng của chị T là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy nguyện vọng của chị T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với thực tế nên cần chấp nhận.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: - Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

* Xử: - Về hôn nhân*:* Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Lê Đình L.

- Về con chung*:* Chị T và anh L có 01 con chung là Lê Thị Phương V, sinh ngày 30/10/2011; giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000^{đ} án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000^{đ} anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001185 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Quảng Xương, Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị T, anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- THADS huyện Quảng Xương;;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hiệu